

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11 – 6 – 2021

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Đình Trọng**

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân – gia đình sơ thẩm thụ lý số: 103/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Pi Năng Thị N, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐR, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Ông Cao A K, sinh năm 1990, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn SC, xã K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2020, bản tự khai ngày 28/12/2020 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Pi Năng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao A K kết hôn năm 2011 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn ĐR, xã K, huyện K

hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông K thường xuyên ăn nhậu về nhà tìm có gây sự đánh đập bà. Bà đã nhiều lần bỏ qua cho ông cơ hội sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông K vẫn không thay đổi và bỏ về nhà bố mẹ sống. Do đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao A K. Về con chung, bà N khai bà và ông K không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung bà N khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Cao A K: Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà Pi Năng Thị N nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định. Đối với bị đơn ông Cao A K đã được Tòa án triệu tập, xác minh, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông cố tình trốn tránh không có mặt tại tòa để làm việc nhằm bảo vệ quyền lợi cho mình do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Pi Năng Thị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn ông Cao A K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết tại địa phương và nơi cư trú, do đó Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Pi Năng Thị N và ông Cao A K kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã K và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 0I ngày 02/11/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi do ông K thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu về nhà gây sự đánh đập bà N. Mặc dù bà N đã nhiều lần bỏ qua cho ông cơ hội sửa chữa sai lầm để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông K vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Theo kết quả xác minh tại địa phương ông bà đang sinh sống cho thấy hiện tại bà N và ông K không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, việc chăm sóc, quan tâm lẫn nhau không còn, do đó mâu thuẫn giữa bà N và ông K đã đến mức trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Pi Năng Thị N đối với ông Cao A K.

[3] *Về con chung*: Bà Pi Năng Thị N và ông Cao A K không có con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Pi Năng Thị N khai không có nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Bà Pi Năng Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Pi Năng Thị N được ly hôn với ông Cao A K.

2. *Về con chung*: Bà Pi Năng Thị N và ông Cao A K không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Pi Năng Thị N khai không có nên HĐXX không xét.

4. *Về án phí:* Bà Pi Năng Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2016/0004966 ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Vĩnh. Như vậy bà Pi Năng Thị N đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Bà Pi Năng Thị N có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Cao A K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- Chi cục THADS huyện Khánh Vĩnh;
- UBND xã Khánh Thượng (Giấy CNKH số 24, quyển số 01 ngày 02/11/2011);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền